



**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN  
DỰ XÉT TUYỂN Ở VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỆ THỦY NĂM 2021  
(Bảng hình thức xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ)**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm: Quản lý chương trình sức khỏe cộng đồng (Mã số dự tuyển X.1)</b>								
1.1	Trương Tiến Dũng	19/10/1995	044095003239	Nam	Đại học, ngành Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh TOEIC (Trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)	Ứng dụng CNTT cơ bản		
1.2	Ngô Ngọc Hà	28/8/1995	044195002075	Nữ	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản		
1.3	Võ Thị Thu Hiền	09/01/1996	194607519	Nữ	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản		
1.4	Phạm Xuân Mạnh Hùng	28/8/1992	044092004010	Nam	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>2</b>	<b>Vị trí việc làm: Kỹ thuật y khoa Cận Lâm sàng - Dược (Mã số dự tuyển X.2)</b>								
2.1	Võ Thị Linh	29/5/1997	044197002508	Nữ	Đại học, ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		

*lvs*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đôi tượng ưu tiên	Ghi chú
2.2	Phan Thị Năm	05/5/1994	194564374	Nữ	Cao đẳng, ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	Ngoại ngữ thực hành Tiếng anh trình độ B	Trình độ B		
<b>3</b>	<b>Vị trí việc làm: Dược khoa Cận Lâm sàng - Dược (Mã số dự tuyển X.3)</b>								
3.1	Nguyễn Thị Thảo Hiền	14/9/1994	044194002268	Nữ	Cao đẳng, ngành Dược	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		
3.2	Trương Thị Quỳnh Hương	18/10/1999	044199000995	Nữ	Cao đẳng cử nhân thực hành Dược	Tiếng Anh trình độ C	Ứng dụng CNTT cơ bản		
3.3	Lê Thị Huyền Trang	25/10/1996	194575427	Nữ	Cao đẳng, ngành Dược	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
<b>4</b>	<b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Trạm Y tế xã Lộc Thủy (Mã số dự tuyển X.4)</b>								
4.1	Lê Ngọc Mười	20/01/1996	194575917	Nữ	Cao đẳng, ngành Điều dưỡng	Tiếng Anh trình độ A2	Trình độ B		
4.2	Trần Thị Kiều Thu	08/9/1993	197287264	Nữ	Cao đẳng, ngành Điều dưỡng	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>5</b>	<b>Vị trí việc làm: Y sỹ Trạm Y tế xã Cam Thủy (Mã số dự tuyển X.5)</b>								
5.1	Nguyễn Xuân Phong	24/4/1994	044094003129	Nam	Trung cấp, ngành Y sỹ	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
5.2	Phạm Thị Thùy	15/3/1994	194575099	Nữ	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa	Tiếng Anh trình độ B1	Trình độ B		
<b>6</b>	<b>Vị trí việc làm: Y sỹ Trạm Y tế xã An Thủy (Mã số dự tuyển X.7)</b>								
6.1	Phạm Thị Hạnh	22/5/1993	044193001322	Nữ	Trung cấp, ngành Y sỹ	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
<b>7</b>	<b>Vị trí việc làm: Hộ sinh Trạm Y tế xã Thanh Thủy (Mã số dự tuyển X.8)</b>								
7.1	Dương Thị Thu Hiền	16/01/1999	044199000544	Nữ	Cao đẳng ngành Hộ sinh	Tiếng Anh trình độ B1	Ứng dụng CNTT cơ bản		
7.2	Phan Thị Thắm	12/02/1994	044194000890	Nữ	Cao đẳng ngành Hộ sinh	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
<b>8</b>	<b>Vị trí việc làm: Điều dưỡng Trạm Y tế xã Ngự Thủy Bắc (Mã số dự tuyển X.9)</b>								
8.1	Nguyễn Thị Phượng	16/10/1993	194525763	Nữ	Cao đẳng, ngành Điều dưỡng	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
8.2	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	16/9/1991	194453227	Nữ	Cao đẳng, ngành Điều dưỡng đa khoa	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		

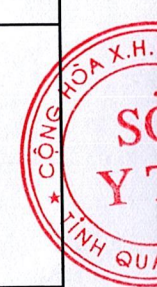
TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
<b>9</b>	<b>Vị trí việc làm: Tài chính kế toán (Mã số dự tuyển X.10)</b>								
9.1	Nguyễn Thị Hương	20/2/1981	044181000701	Nữ	Đại học, ngành Kế toán	Tiếng Anh trình độ C	Ứng dụng CNTT cơ bản		
9.2	Hoàng Thị Diệu Linh	14/5/1992	194511305	Nữ	Đại học, ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán kiểm toán	Tiếng Anh TOEFL ITP (Trình độ A2)	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>10</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Tân Thủy (Mã số dự tuyển X.12)</b>								
10.1	Phan Thị Ngọc Ánh	22/10/1988	194431199	Nữ	- Đại học, ngành, chuyên ngành khuyến nông và phát triển nông thôn. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghiệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>11</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Hồng Thủy (Mã số dự tuyển X.13)</b>								
11.1	Đào Thị Lệ Hằng	21/12/1994	044194000599	Nữ	- Trung cấp, ngành, chuyên ngành Y sĩ. - Chứng chỉ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ dân số kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh bậc 3	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>12</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Mỹ Thủy (Mã số dự tuyển X.14)</b>								
12.1	Trần Thị Kim Chi	21/3/1997	194634164	Nữ	- Cao đẳng ngành Dược - Chứng chỉ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ dân số kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		



*Handwritten signature or mark.*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đôi tượng ưu tiên	Ghi chú
<b>13</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Mai Thủy (Mã số dự tuyển X.15)</b>								
13.1	Trần Thị Ngọc Khuyên	06/3/1994	044194001015	Nữ	- Trung cấp, ngành, chuyên ngành Điều dưỡng đa khoa. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghịệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
13.2	Trần Thị Mai	06/01/1989	044189004297	Nữ	- Trung cấp, ngành, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghịệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh TOEFL ITP (Trình độ theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: Bậc 2)	Ứng dụng CNTT cơ bản		
<b>14</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Dương Thủy (Mã số dự tuyển X.16)</b>								
14.1	Phạm Ngọc Ái	02/5/1990	044190000435	Nữ	- Đại học, ngành, chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghịệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Trình độ B		
<b>15</b>	<b>Vị trí việc làm: Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại trung tâm (Mã số dự tuyển X.17)</b>								
15.1	Võ Thị Thanh Hằng	12/12/1996	194612007	Nữ	- Đại học, ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán nhà nước. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghịệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ C	Ứng dụng CNTT nâng cao		

NAM \* H.

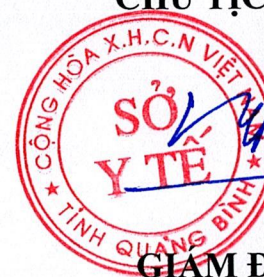


*Handwritten signature or initials in blue ink.*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND/Thẻ CCCD	Giới tính	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
15.2	Trần Thị Thu Hoàn	15/7/1987	044187002716	Nữ	- Đại học, ngành, chuyên ngành Văn hóa học. - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		
15.3	Mai Như Quỳnh	23/3/1989	044189000496	Nữ	- Đại học, ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. - Chứng chỉ đào tạo liên tục bồi dưỡng nghiệp vụ dân số -kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số.	Tiếng Anh trình độ B	Ứng dụng CNTT cơ bản		

(Danh sách có 29 thí sinh)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
Nguyễn Đức Cường

